

CHƯƠNG TRÌNH ĐỌC KINH THÁNH NĂM NGÀY

Đọc toàn bộ Kinh Thánh hoặc chỉ Tân Ước trong một năm!

Hệ thống đọc Kinh Thánh đặc biệt này cho phép bạn đọc toàn bộ Kinh Thánh (hoặc chỉ Tân Ước) trong một năm mà chỉ cần đọc năm lần một tuần. Năm lần đọc mỗi tuần cho bạn thời gian để đọc lại hoặc dành một ngày nghỉ để tập trung vào việc đọc Kinh Thánh hoặc các môn học tâm linh khác, đồng thời giúp việc đọc Kinh Thánh hàng ngày trở nên thiết thực và khả thi. Với kế hoạch đọc 90 ngày, hãy đọc 4 ngày một lần, duy trì lịch đọc từ Thứ Hai đến Thứ Sáu.

Cách thức hoạt động

Các bài đọc Cựu Ước được sắp xếp theo thứ tự thời gian càng nhiều càng tốt (ngay cả Thi Thiên cũng được đọc vào đúng vị trí của chúng trong lịch sử Israel khi có thể, và đây là lý do tại sao một số tiên tri - đáng chú ý là Giê-rê-mi - dường như "không theo thứ tự").

Ngoại lệ duy nhất là sách Gióp, có lẽ là sách lâu đời nhất trong Kinh Thánh, nhưng được đặt ở cuối Lịch Trình vì khó có thể sắp xếp ở nơi khác. Các bài đọc Tân Ước được sắp xếp xen kẽ các sách Phúc Âm trong suốt cả năm để người đọc luôn quay trở lại với cuộc đời và những lời dạy của Chúa Giê-su.

Luôn đọc theo thứ tự xuất hiện trong Lịch Trình. Ví dụ, nếu một bài đọc từ Sứ Ký xuất hiện trước Sách Các Vua, hãy đọc Sứ Ký trước.

Hãy đánh dấu bài đọc của mỗi ngày, sau đó đánh dấu mỗi tuần trong Sổ Ghi Tiến Độ Hàng Tuần. Bạn sẽ ngạc nhiên khi thấy mình đã bước vào năm học mới nhanh như thế nào mà vẫn đọc Kinh Thánh đều đặn! Nhiều người đã đạt được mục tiêu đọc Kinh Thánh đều đặn bằng cách sử dụng Lịch Trình và bạn cũng có thể! Phước lành của Chúa sẽ ở cùng những ai đọc, hiểu và sống theo Lời Ngài. Nguyên xin cuốn sách hướng dẫn này giúp bạn đạt được mục đích cao quý đó.

Lời Chúa là ngọn đèn soi bước chân con, là ánh sáng chỉ đường con đi. (Thi Thiên 119:105)

Tuần 1

- ☐ Sáng thế kỷ 1-2; Thi thiên 19; Mác 1
- ☐ Sáng Thế Ký 3-5; Mác 2
- ☐ Sáng thế kỷ 6-8; Thi thiên 104; Mác 3
- ☐ Sáng thế kỷ 9-11; Mác 4
- ☐ Sáng thế kỷ 12-15; Thi thiên 148; Mác 5

Tuần 2

- ☐ Sáng thế kỷ 16-18; Mác 6
- ☐ Sáng thế kỷ 19-20; Thi thiên 1; Mác 7
- ☐ Sáng thế kỷ 21-23; Thi thiên 107; Mác 8
- ☐ Sáng thế kỷ 24-25; Thi thiên 4; Mác 9
- ☐ Sáng thế kỷ 26-27; Mác 10

Tuần 3

- ☐ Sáng thế kỷ 28-29; Mác 11
- ☐ Sáng thế kỷ 30-31; Thi thiên 11; Mác 12
- ☐ Sáng thế kỷ 32-34; Thi thiên 145; Mác 13
- ☐ Sáng thế kỷ 35-37; Thi thiên 12; Mác 14
- ☐ Sáng thế kỷ 38-40; Mác 15

Tuần 4

- ☐ Sáng thế kỷ 41-42; Mác 16
- ☐ Sáng thế kỷ 43-44; Thi thiên 24; Ga-la-ti 1
- ☐ Sáng thế kỷ 45-46; Thi thiên 108; Ga-la-ti 2
- ☐ Sáng thế kỷ 47-48; Thi thiên 25; Ga-la-ti 3
- ☐ Sáng thế kỷ 49-50; Ga-la-ti 4

Tuần 5

- ☐ Xuất Ê-díp-tô Ký 1-3; Ga-la-ti 5
- ☐ Xuất Ê-díp-tô Ký 4-6; Ga-la-ti 6
- ☐ Xuất Ê-díp-tô Ký 7-9; Thi Thiên 105; Ê-phê-sô 1
- ☐ Xuất Ê-díp-tô Ký 10-12; Ê-phê-sô 2
- ☐ Xuất Ê-díp-tô Ký 13-15; Thi Thiên 114; Ê-phê-sô 3

Tuần 6

- ☐ Xuất Ê-díp-tô Ký 16-18; Ê-phê-sô 4
- ☐ Xuất Ê-díp-tô Ký 19-21; Thi Thiên 33; Ê-phê-sô 5
- ☐ Xuất Ê-díp-tô Ký 22-24; Thi Thiên 109; Ê-phê-sô 6
- ☐ Xuất Ê-díp-tô Ký 25-27; Thi Thiên 90; Phi-líp 1
- ☐ Xuất Ê-díp-tô Ký 28-31; Phi-líp 2

Tuần 7

- ☐ Xuất Ê-díp-tô Ký 32-34; Phi-líp 3
- ☐ Xuất Ai Cập 35-37; Thánh Vịnh 26; Phi-líp 4
- ☐ Xuất Ê-díp-tô Ký 38-40; Hê-bơ-rơ 1
- ☐ Lê-vi Ký 1-3; Thi Thiên 27; Hê-bơ-rơ 2
- ☐ Lê-vi Ký 4-7; Hê-bơ-rơ 3

Tuần 8

- ☐ Lê-vi Ký 8-11; Thi Thiên 110; Hê-bơ-rơ 4
- ☐ Lê-vi Ký 12-14; Thi Thiên 111; Hê-bơ-rơ 5
- ☐ Lê-vi Ký 15-18; Thi Thiên 31; Hê-bơ-rơ 6
- ☐ Lê-vi Ký 19-20; Hê-bơ-rơ 7
- ☐ Lê-vi Ký 21-23; Hê-bơ-rơ 8

Tuần 9

- ☐ Lê-vi Ký 24-25; Thi Thiên 81; Hê-bơ-rơ 9
- ☐ Lê-vi Ký 26-27; Thi Thiên 112; Hê-bơ-rơ 10
- ☐ Dân số kỷ 1-2; Thi thiên 64; Hê-bơ-rơ 11
- ☐ Dân số kỷ 3-5; Hê-bơ-rơ 12
- ☐ Dân số kỷ 6-7; Hê-bơ-rơ 13

Tuần 10

- ☐ Dân số kỷ 8-11; Cô-lô-se 1
- ☐ Dân số kỷ 12-14; Thi thiên 28; Cô-lô-se 2
- ☐ Dân số kỷ 15-18; Thi thiên 113; Cô-lô-se 3
- ☐ Dân số kỷ 19-21; Cô-lô-se 4
- ☐ Dân số kỷ 22-25; Luca 1

Tuần 11

- ☐ Dân số kỷ 26-29; Lu-ca 2
- ☐ Dân số kỷ 30-33; Thi thiên 35; Lu-ca 3
- ☐ Dân số kỷ 34-36; Lu-ca 4
- ☐ Phục truyền luật lệ kỷ 1-3; Thi thiên 36; Lu-ca 5
- ☐ Phục truyền luật lệ kỷ 4-5; Lu-ca 6

Tuần 12

- ☐ Phục truyền luật lệ kỷ 6-9; Lu-ca 7
- ☐ Phục truyền luật lệ kỷ 10-14; Thi thiên 5; Lu-ca 8
- ☐ Phục truyền luật lệ kỷ 15-18; Thi thiên 115; Lu-ca 9
- ☐ Phục truyền luật lệ kỷ 19-22; Thi thiên 6; Lu-ca 10
- ☐ Phục truyền luật lệ kỷ 23-26; Lu-ca 11

Tuần 13

- ☐ Phục truyền luật lệ kỷ 27-31; Lu-ca 12
- ☐ Phục truyền luật lệ kỷ 32-34; Thi thiên 13; Lu-ca 13
- ☐ Giô-suê 1-4; Thi Thiên 143; Lu-ca 14
- ☐ Giô-suê 5-8; Thi Thiên 14; Lu-ca 15
- ☐ Giô-suê 9-13; Lu-ca 16

Tuần 14

- ☐ Giô-suê 14-17; Lu-ca 17
- ☐ Giô-suê 18-21; Thi Thiên 15; Lu-ca 18
- ☐ Giô-suê 22-24; Thi Thiên 116; Lu-ca 19
- ☐ Các Quan Xét 1-3; Thi Thiên 16; Lu-ca 20
- ☐ Các Quan Xét 4-6; Lu-ca 21

Tuần 15

- ☐ Các Quan Xét 7-8; Lu-ca 22
- ☐ Các Quan Xét 9-11; Thi Thiên 17; Lu-ca 23
- ☐ Các Quan Xét 12-16; Thi Thiên 146; Lu-ca 24
- ☐ Các Quan Xét 17-18; Thi Thiên 21; Công Vụ 1
- ☐ Các Quan Xét 19-21; Công Vụ 2

Tuần 16

- ☐ Ru-tơ 1-2; Công vụ 3
- ☐ Ru-tơ 3-4; Thi Thiên 37; Công Vụ 4
- ☐ 1 Sa-mu-ên 1-2; Thi Thiên 120; Công Vụ 5
- ☐ 1 Sa-mu-ên 3-5; Thi Thiên 23; Công Vụ 6
- ☐ 1 Sa-mu-ên 6-8; Công vụ 7

Tuần 17

- ☐ 1 Sa-mu-ên 9-10; Công vụ 8
- ☐ 1 Sa-mu-ên 11-13; Thi Thiên 38; Công Vụ 9
- ☐ 1 Sa-mu-ên 14; Thi Thiên 124; Công Vụ 10
- ☐ 1 Sa-mu-ên 15-16; 1 Sứ Ký 1; Thi Thiên 39; Công Vụ 11
- ☐ 1 Sa-mu-ên 17; 1 Sứ Ký 2; Công Vụ 12

Tuần 18

- ☐ 1 Sa-mu-ên 18-19; 1 Sứ Ký 3; Thi Thiên 59; Công Vụ 13
- ☐ 1 Sa-mu-ên 20; 1 Sứ Ký 4; Thi Thiên 56, 57, 142; Công Vụ 14
- ☐ 1 Sa-mu-ên 21-22; 1 Sứ Ký 5; Thi Thiên 52; Công Vụ 15
- ☐ 1 Sa-mu-ên 23-24; 1 Sứ Ký 6; Thi Thiên 54; Công Vụ 16
- ☐ 1 Sa-mu-ên 25; 1 Sứ Ký 7; Công Vụ 17

Tuần 19

- ☐ 1 Sa-mu-ên 26-27; 1 Sứ Ký 8; Công Vụ 18
- ☐ 1 Sa-mu-ên 28-29; 1 Sứ Ký 9; Công Vụ 19
- ☐ 1 Sa-mu-ên 30-31; 1 Sứ Ký 10; Công Vụ 20
- ☐ 2 Sa-mu-ên 1-2; 1 Sứ Ký 11; Thi Thiên 96, 106; Công Vụ 21
- ☐ 2 Sa-mu-ên 3-6; 1 Sứ Ký 12; Thi Thiên 122; Công Vụ 22

Tuần 20

- ☐ 2 Sa-mu-ên 6; 1 Sứ ký 13; Thi thiên 60; Công vụ 23
- ☐ 1 Sứ ký 14-16; Công vụ 24
- ☐ 2 Sa-mu-ên 7-8; 1 Sứ Ký 17; Thi Thiên 132; Công Vụ 25
- ☐ 2 Sa-mu-ên 9-10; 1 Sứ Ký 18-19; Thi Thiên 89; Công Vụ 26
- ☐ 2 Sa-mu-ên 11-12; 1 Sứ ký 20; Thi thiên 51, 32; Công vụ 27

Tuần 21

- ☐ 2 Sa-mu-ên 13-14; Công vụ 28
- ☐ 2 Sa-mu-ên 15-17; Thi Thiên 3, 63; Rô-ma 1
- ☐ 2 Sa-mu-ên 18-20; Thi Thiên 34; Rô-ma 2
- ☐ 2 Sa-mu-ên 21-23; Thi Thiên 18; Rô-ma 3
- ☐ 2 Sa-mu-ên 24; 1 Sứ Ký 21; Rô-ma 4

Tuần 22

- ☐ 1 Sứ ký 22-25; Thi thiên 78; Rô-ma 5
- ☐ 1 Các Vua 1; 1 Sứ Ký 26-28; Rô-ma 6
- ☐ 1 Các Vua 2; 1 Sứ Ký 29; Rô-ma 7
- ☐ 1 Các Vua 3; 2 Sứ Ký 1; Thi Thiên 42; Rô-ma 8
- ☐ 1 Các Vua 4; Châm Ngôn 1-2; Thi Thiên 43; Rô-ma 9

Tuần 23

- ☐ Châm ngôn 3-5; Rô-ma 10
- ☐ Châm ngôn 6-7; Thi thiên 7; Rô-ma 11
- ☐ Châm ngôn 8-10; Thi thiên 144; Rô-ma 12
- ☐ Châm ngôn 11-13; Thi thiên 8; Rô-ma 13
- ☐ Châm ngôn 14-15; Rô-ma 14

Tuần 24

- ☐ Châm ngôn 16-18; Rô-ma 15
- ☐ Châm ngôn 19-21; Thi thiên 40; Rô-ma 16
- ☐ Châm ngôn 22-23; Thi thiên 117; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 1
- ☐ Châm ngôn 24-25; Thi thiên 41; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2
- ☐ Châm Ngôn 26-28; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 3

Tuần 25

- ☐ Châm Ngôn 29-31; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4
- ☐ Nhã Ca 1-3; Thi Thiên 72; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5
- ☐ Nhã Ca 4-6; 2 Thsalonians 1
- ☐ Nhã Ca 7-8; Thi Thiên 127; II Tê-sa-lô-ni-ca 2
- ☐ 1 Các Vua 5; 2 Sử Ký 2; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3

Tuần 26

- ☐ 1 Các Vua 6; 2 Sử Ký 3; 1 Ti-mô-thê 1
- ☐ 1 Các Vua 7; 2 Sử Ký 4; Thi Thiên 44; 1 Ti-mô-thê 2
- ☐ 1 Các Vua 8; Thi Thiên 30; 1 Ti-mô-thê 3
- ☐ 2 Sử ký 5-7; Thi thiên 121; 1 Ti-mô-thê 4
- ☐ 1 Các Vua 9; 2 Sử Ký 8; 1 Ti-mô-thê 5

Tuần 27

- ☐ 1 Các Vua 10-11; 2 Sử Ký 9; 1 Ti-mô-thê 6
- ☐ Truyền Đạo 1-3; Thi Thiên 45; 2 Ti-mô-thê 1
- ☐ Truyền Đạo 4-6; Thi Thiên 125; 2 Ti-mô-thê 2
- ☐ Truyền Đạo 7-9; Thi Thiên 46; 2 Ti-mô-thê 3
- ☐ Truyền Đạo 10-12; 2 Ti-mô-thê 4

Tuần 28

- ☐ 1 Các Vua 12; 2 Sử Ký 10-11; Tít 1
- ☐ 1 Các Vua 13-14; 2 Sử Ký 12; Thi Thiên 47; Tít 2
- ☐ 1 Các Vua 15; 2 Sử Ký 13-14; Tít 3
- ☐ 2 Sử ký 15-16; 1 Các vua 16; Phi-lê-môn
- ☐ 1 Các Vua 17-18; Thi Thiên 119; Giu-đe

Tuần 29

- ☐ 1 Các Vua 19-21; 2 Sử Ký 17; Thi Thiên 129; Ma-thi-ơ 1
- ☐ 1 Các Vua 22; 2 Sử Ký 18; Ma-thi-ơ 2
- ☐ 2 Sử ký 19-20; 2 Các vua 1; Thi thiên 20; Ma-thi-ơ 3
- ☐ 2 Các Vua 2-3; Thi Thiên 48; Ma-thi-ơ 4
- ☐ 2 Các Vua 4-6; Ma-thi-ơ 5

Tuần 30

- ☐ 2 Các Vua 7-8; 2 Sử Ký 21; Ma-thi-ơ 6
- ☐ 2 Các Vua 9-10; Thi Thiên 49; Ma-thi-ơ 7
- ☐ 2 Sử ký 22-23; 2 Các vua 11; Thi thiên 131; Ma-thi-ơ 8
- ☐ 2 Sử ký 24; 2 Các vua 12; Thi thiên 50; Ma-thi-ơ 9
- ☐ Giô-ên 1-3; Ma-thi-ơ 10

Tuần 31

- ☐ Giô-na 1-4; Ma-thi-ơ 11
- ☐ 2 Các Vua 1-14; 2 Sử Ký 25; Thi Thiên 53; Ma-thi-ơ 12
- ☐ A-môt 1-3; Ma-thi-ơ 13
- ☐ A-môt 4-6; Thi Thiên 55; Ma-thi-ơ 14
- ☐ A-môt 7-9; Ma-thi-ơ 15

Tuần 32

- ☐ Ô-sê 1-3; Ma-thi-ơ 16
- ☐ Ô-sê 4-6; Thi Thiên 58; Ma-thi-ơ 17
- ☐ Ô-sê 7-10; Ma-thi-ơ 18
- ☐ Ô-sê 11-13; Ma-thi-ơ 19
- ☐ Ô-sê 14; 2 Sử Ký 26-27; Thi Thiên 61; Ma-thi-ơ 20

Tuần 33

- ☐ 2 Các Vua 15-16; Ma-thi-ơ 21
- ☐ Ê-sai 1-3; Thi Thiên 9; Ma-thi-ơ 22
- ☐ Ê-sai 4-6; Ma-thi-ơ 23
- ☐ Mi-chê 1-4; Thi Thiên 10; Ma-thi-ơ 24
- ☐ Mi-chê 5-7; Ma-thi-ơ 25

Tuần 34

- ☐ Ê-sai 7-10; Thi Thiên 22; Ma-thi-ơ 26
- ☐ Ê-sai 11-13; Thi Thiên 118; Ma-thi-ơ 27
- ☐ Ê-sai 14-16; Ma-thi-ơ 28
- ☐ Ê-sai 17-19; Thi Thiên 62; 1 Cô-rinh-tô 1
- ☐ Ê-sai 20-22; 1 Cô-rinh-tô 2

Tuần 35

- ☐ Ê-sai 23-25; 1 Cô-rinh-tô 3
- ☐ Ê-sai 26-29; Thi Thiên 65; 1 Cô-rinh-tô 4
- ☐ Ê-sai 30-32; 1 Cô-rinh-tô 5
- ☐ Ê-sai 33-35; 1 Cô-rinh-tô 6
- ☐ 2 Sử ký 28; 2 Các vua 17; Thi thiên 66; 1 Cô-rinh-tô 7

Tuần 36

- ☐ 2 Sử ký 29-31; 1 Cô-rinh-tô 8
- ☐ 2 Các Vua 18-19; 2 Sử Ký 32; Thi Thiên 67; 1 Cô-rinh-tô 9
- ☐ Ê-sai 36-37; Thi Thiên 123; 1 Cô-rinh-tô 10
- ☐ 2 Các Vua 20; Ê-sai 38-40; Thi Thiên 68; 1 Cô-rinh-tô 11
- ☐ Ê-sai 41-44; 1 Cô-rinh-tô 12

Tuần 37

- ☐ Ê-sai 45-48; 1 Cô-rinh-tô 13
- ☐ Ê-sai 49-52; Thi Thiên 69; 1 Cô-rinh-tô 14
- ☐ Ê-sai 53-55; Thi Thiên 128; 1 Cô-rinh-tô 15
- ☐ Ê-sai 56-59; Thi Thiên 70; 1 Cô-rinh-tô 16
- ☐ Ê-sai 60-63; 2 Cô-rinh-tô 1

Tuần 38

- ☐ Ê-sai 64-66; 2 Cô-rinh-tô 2
- ☐ 2 Các Vua 21; 2 Sử Ký 33; Thi Thiên 71; 2 Cô-rinh-tô 3
- ☐ Na-hum 1-3; Thi Thiên 149; II Cô-rinh-tô 4
- ☐ 2 Các Vua 22-23; Thi Thiên 73; 2 Cô-rinh-tô 5
- ☐ 2 Sử Ký 34-35; 2 Cô-rinh-tô 6

Tuần 39

- ☐ Ha-ba-cúc 1-3; 2 Cô-rinh-tô 7
- ☐ Sô-phô-ni 1-3; Thi Thiên 74; II Cô-rinh-tô 8
- ☐ Giê-rê-mi 1-4; Thi Thiên 130; II Cô-rinh-tô 9
- ☐ Giê-rê-mi 5-7; Thi Thiên 75; II Cô-rinh-tô 10
- ☐ Giê-rê-mi 8-10; 2 Cô-rinh-tô 11

Tuần 40

- ☐ Giê-rê-mi 11-13; 2 Cô-rinh-tô 12
- ☐ Giê-rê-mi 14-16; Thi Thiên 76; II Cô-rinh-tô 13
- ☐ Giê-rê-mi 17-20; Gia-cơ 1
- ☐ Giê-rê-mi 22, 23, 26; Thi Thiên 77; Gia-cơ 2
- ☐ Giê-rê-mi 25, 35, 36, 45; Thi Thiên 133; Gia-cơ 3

Tuần 41

- ☐ Giê-rê-mi 27, 28, 29, 24; Gia-cơ 4
- ☐ Giê-rê-mi 37, 21, 34; Thi Thiên 79; Gia-cơ 5
- ☐ Giê-rê-mi 30-33; 1 Phi-e-rơ 1
- ☐ Giê-rê-mi 38, 39, 52; 1 Phi-e-rơ 2
- ☐ 2 Các Vua 24-25; 2 Sử Ký 36; Thi Thiên 126; 1 Phi-e-rơ 3

Tuần 42

- ☐ Ca Thương 1-5; Thi Thiên 137; 1 Phi-e-rơ 4
- ☐ Ó-ba-đi-a; Giê-rê-mi 40-42; Thi Thiên 147; 1 Phi-e-rơ 5
- ☐ Giê-rê-mi 43, 44, 46; 2 Phi-e-rơ 1
- ☐ Giê-rê-mi 47, 48, 49; Thi Thiên 80; 2 Phi-e-rơ 2
- ☐ Giê-rê-mi 50-51; 2 Phi-e-rơ 3

Tuần 43

- ☐ Ê-xê-chi-ên 1-3; Giảng 1
- ☐ Ê-xê-chi-ên 4-6; Thi Thiên 82; Giảng 2
- ☐ Ê-xê-chi-ên 7-9; Giảng 3
- ☐ Ê-xê-chi-ên 10-12; Thi Thiên 83; Giảng 4
- ☐ Ê-xê-chi-ên 13-15; Thi Thiên 136; Giảng 5

Tuần 44

- ☐ Ê-xê-chi-ên 16-18; Giảng 6
- ☐ Ê-xê-chi-ên 19-21; Thi Thiên 84; Giảng 7
- ☐ Ê-xê-chi-ên 22-24; Thi Thiên 134; Giảng 8
- ☐ Ê-xê-chi-ên 25-27; Thi Thiên 85; Giảng 9
- ☐ Ê-xê-chi-ên 28-30; Giảng 10

Tuần 45

- ☐ Ê-xê-chi-ên 31-33; Giảng 11
- ☐ Ê-xê-chi-ên 34-36; Thi Thiên 86; Giảng 12
- ☐ Ê-xê-chi-ên 37-39; Thi Thiên 87; Giảng 13
- ☐ Ê-xê-chi-ên 40-42; Giảng 14
- ☐ Ê-xê-chi-ên 43-45; Thi Thiên 135; Giảng 15

Tuần 46

- ☐ Ê-xê-chi-ên 46-48; Giảng 16
- ☐ Đa-ni-ên 1-3; Thi Thiên 88; Giảng 17
- ☐ Đa-ni-ên 4-6; Giảng 18
- ☐ Đa-ni-ên 7-9; Thi Thiên 91; Giảng 19
- ☐ Đa-ni-ên 10-12; Giảng 20

Tuần 47

- ☐ Ê-xơ-ra 1-2; Giảng 21
- ☐ E-xơ-ra 3-4; Thi Thiên 92; 1 Giảng 1
- ☐ A-ghe; Xa-cha-ri 1; Thi Thiên 138; 1 Giảng 2
- ☐ Xa-cha-ri 2-5; Thi Thiên 93; 1 Giảng 3
- ☐ Xa-cha-ri 6-8; 1 Giảng 4

Tuần 48

- ☐ Xa-cha-ri 9-11; 1 Giảng 5
- ☐ Xa-cha-ri 12-14; Thi Thiên 94; 2 Giảng
- ☐ E-xơ-ra 5-6; Thi Thiên 95; 3 Giảng
- ☐ Ê-xơ-tê 1-3; Thi Thiên 139; Khải Huyền 1
- ☐ Ê-xơ-tê 4-6; Khải Huyền 2

Tuần 49

- ☐ Ê-xơ-tê 7-10; Khải Huyền 3
- ☐ E-xơ-ra 7-10; Thi Thiên 97; Khải Huyền 4
- ☐ Nê-hê-mi 1-3; Khải Huyền 5
- ☐ Nê-hê-mi 4-6; Thi Thiên 98; Khải Huyền 6
- ☐ Nê-hê-mi 7-9; Thi Thiên 140; Khải Huyền 7

Tuần 50

- ☐ Nê-hê-mi 10-13; Khải Huyền 8
- ☐ Ma-la-chi; Thi Thiên 2; Khải Huyền 9
- ☐ Gióp 1-3; Thi Thiên 29; Khải Huyền 10
- ☐ Gióp 4-7; Thi Thiên 99; Khải Huyền 11
- ☐ Gióp 8-11; Khải Huyền 12

Tuần 51

- ☐ Gióp 12-14; Thi Thiên 100; Khải Huyền 13
- ☐ Gióp 15-17; Khải Huyền 14
- ☐ Gióp 18-20; Thi Thiên 141; Khải Huyền 15
- ☐ Gióp 21-23; Thi Thiên 101; Khải Huyền 16
- ☐ Gióp 24-27; Khải Huyền 17

Tuần 52

- ☐ Gióp 28-30; Khải Huyền 18
- ☐ Gióp 31-33; Thi Thiên 102; Khải Huyền 19
- ☐ Gióp 34-36; Khải Huyền 20
- ☐ Gióp 37-39; Thi Thiên 103; Khải Huyền 21
- ☐ Gióp 40-42; Thi Thiên 150; Khải Huyền 22

LỜI CẢM ƠN ĐẶC BIỆT

Kế hoạch này được điều chỉnh từ phiên bản tiếng Anh gốc có tại:

www.FiveDayBibleReading.com
Lower Light Publications

Hãy cân nhắc quyền góp nhê!